

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày 29/6/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.
- Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Sâm và bà Đặng Thị Thuỷ.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Phan Hiếu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-DS ngày 25/5/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐST – DS ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Trọng H** – Sinh năm: 1957
TQ: Khối 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

* Bị đơn: **Ông Nguyễn Quang V** - Sinh năm: 1958
TQ: Thôn 10, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2021, những lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Do có quan hệ quen biết, làm ăn với nhau, nên khoảng tháng 9/2009 ông Nguyễn Quang V vay ông Nguyễn Trọng H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hẹn sau 3 tháng ông V sẽ trả cả gốc và lãi suất, do bạn bè quen biết nhau nên không làm giấy vay. Đến khoảng tháng 12/2009 ông V vay tiếp số tiền 3.000.000 đồng, không làm giấy vay. Tổng số tiền ông V vay đến cuối năm 2009 là 13.000.000 đồng, lãi suất 1,5%, hẹn 3 tháng ông V trả cả gốc và lãi suất. Đến hạn ông V không trả tiền và cứ khất dần. Trong năm 2009, ông H gửi thùng phi

cho ông V bán được số tiền 6.4000.000 đồng nhưng ông V không đưa lại tiền bán thùng phi cho ông H nên ông H và ông V thống nhất chuyển số tiền bán thùng phi ông V đang giữ thành tiền vay ông H. Như vậy, tổng cộng ông V vay ông H số tiền là 19.400.000 đồng. Trong năm 2017, ông V trả cho ông H được 5.000.000 đồng nên ông V còn nợ ông H số tiền 14.400.000 đồng. Đến năm 2017, ông H và ông V đã tính toán, chốt nợ ông V còn nợ ông H số tiền là 18.600.000 đồng. Đến ngày 02/3/2020, ông H và ông V viết giấy chốt nợ từ ngày vay đến ngày 30/8/2017, ông V còn nợ ông H số tiền 18.600.000 đồng, ông H tiếp tục cho ông V vay số tiền này, với mức lãi suất là 1,5%/ tháng, hạn ngày 30/12/2020 trả. Tuy nhiên, đến hạn ông H đã hỏi nhiều lần nhưng ông V không trả và khát nợ nhiều lần đến nay vẫn không trả. Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang V trả cho ông H số tiền gốc là 18.600.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/9/2017 đến khi trả hết nợ gốc, với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Trong đó ông V đã trả được 3.000.000 đồng tiền lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quang V trình bày:

Ông Nguyễn Quang V chỉ vay ông Nguyễn Trọng H số tiền gốc là 13.000.000 đồng, việc vay tiền không làm giấy tờ vay. Sau đó ông V đã trả cho ông H 2 lần, một lần 5.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian trả, việc trả tiền không làm giấy tờ. Đến năm 2017, ông V và ông H tính tiền gốc và lãi suất thì ông H tính ông V còn nợ tiền gốc và lãi suất của ông H là 18.600.000 đồng, do ông H tính và ông H viết giấy chốt nợ đưa cho ông V ký nhưng ông H chưa trừ cho ông V số tiền ông V đã trả cho ông H hai lần tổng cộng là 8.000.000 đồng. Nên hiện tại ông V chỉ còn nợ ông H tổng số tiền gốc và lãi suất là 10.600.000 đồng. Nay ông H kiện yêu cầu ông V trả cho ông H số tiền gốc là 18.600.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/9/2017 đến khi trả hết nợ gốc, với mức lãi suất là 1,5%/tháng thì ông V không chấp nhận. Ông V chỉ chấp nhận trả cho ông H số tiền gốc và lãi suất là 10.600.000 đồng.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định và trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quang V trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền nợ gốc là 18.600.000 đồng và tiền lãi suất là 13.154.100 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 31.754.100 đồng; Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời khai các đương sự tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn cư trú tại xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn, ông Nguyễn Trọng H khai: Do có quan hệ quen biết, làm ăn với nhau, nên từ khoảng tháng 9/2009 đến năm 2017, ông H đã cho ông V vay nhiều lần tiền: Lần 1 là 10.000.000 đồng, lần 2 là 3.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hẹn sau 3 tháng ông V sẽ trả cả gốc và lãi suất, do bạn bè quen biết nhau nên không làm giấy vay. Trong năm 2009, ông H gửi thùng phi cho ông V bán được số tiền 6.4000.000 đồng, ông H và ông V thoả thuận chuyển số tiền bán thùng phi ông V đang giữ thành tiền ông V vay ông H. Như vậy, tổng cộng ông V vay ông H số tiền là 19.400.000 đồng. Trong năm 2017, ông V đã trả cho ông H được số tiền 5.000.000 đồng, nên ông V còn nợ ông H số tiền 14.400.000 đồng. Đến ngày 02/3/2020, ông H và ông V viết giấy chót nợ từ ngày vay đến ngày 30/8/2017, ông V còn nợ ông H số tiền 18.600.000 đồng, ông H tiếp tục cho ông V vay số tiền này, với mức lãi suất là 1,5%/ tháng, hẹn ngày 30/12/2020 trả.

Tuy nhiên, đến hạn trả tiền, ông H đã hỏi nhiều lần nhưng ông V không trả và khát nợ nhiều lần đến nay vẫn không trả. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang V trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền gốc là 18.600.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/9/2017 đến khi trả hết nợ gốc, với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Trong đó ông V đã trả được 3.000.000 đồng tiền lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Quang V khai: Ông V chỉ vay ông H số tiền gốc là 13.000.000 đồng, việc vay tiền không làm giấy tờ vay. Sau đó ông V đã trả cho ông H 2 lần, một lần 5.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng, không nhớ thời gian trả, khi trả không làm giấy tờ. Đến năm 2017, ông V và ông H tính tiền gốc và lãi suất thì ông H tính ông V còn nợ tiền gốc và lãi suất của ông H là 18.600.000 đồng, do ông H tính và ông H viết giấy

chốt nợ đưa cho ông V ký nhưng ông H chưa trừ cho ông V số tiền ông V đã trả cho ông H hai lần tổng cộng là 8.000.000 đồng . Nay ông V yêu cầu ông H phải trừ số tiền 8.000.000 đồng cho ông V. Nên hiện tại ông V chỉ còn nợ ông H tổng số tiền gốc và lãi suất là 10.600.000 đồng. Nay ông H kiện yêu cầu ông V trả cho ông H số tiền gốc là 18.600.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 01/9/2017 đến khi trả hết nợ gốc, với mức lãi suất là 1,5%/tháng thì ông V không chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự khai không thống nhất số tiền vay, số tiền trả, thời gian vay và thời gian trả. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành đối chất các đương sự nhưng các đương sự vẫn không thống nhất và giữ nguyên lời khai của mình. Qua nhiều lần hoà giải và tại phiên tòa, các đương sự vẫn không thoả thuận được số tiền gốc và số tiền lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp là: “Giấy tính toán và chốt nợ ngày 02/3/2020”, do ông H viết có nội dung: *“Hai bên đã tính toán và chốt nợ tính đến thời điểm ngày 30/8/2017, chú V còn nợ anh H số tiền là: 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi theo ngân hàng 1,5%/ tháng, đến ngày 28/12/2018 chú V gửi lái xe ca đưa trả hộ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Vậy hai bên làm giấy này để đảm bảo cho việc thanh toán số nợ còn lại. Hai bên thống nhất và ký tên. Giấy này được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản, có giá trị ngang nhau. Thời hạn cuối cùng phải trả đầy đủ số tiền cho anh H 30/12/2020”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V khai: Tổng số tiền gốc ông V vay ông H là 13.000.000 đồng, ông V vẫn thống nhất giấy tính toán và chốt nợ ngày 02/3/2020 với số tiền ông V nợ ông H là 18.600.000 đồng. Tuy nhiên, ông V nại rằng đã trả cho ông H 2 lần tổng cộng 8.000.000 đồng nhưng ông V không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền đã trả là 8.000.000 đồng được trừ trong số tiền 18.600.000 đồng đã chốt ngày 02/3/2020, ông H cũng không thừa nhận số tiền ông V trả được trừ trong số tiền 18.600.000 đồng đã chốt ngày 02/3/2020. Nên không có căn cứ chấp nhận lời nại của ông V. Vì vậy, cần buộc ông Nguyễn Quang V trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền gốc là 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Về tiền lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng H yêu cầu ông Nguyễn Quang V trả tiền lãi suất từ ngày 01/9/2017 đến nay (Ngày 29/6/2022), với mức lãi suất 1,5%/tháng là có căn cứ. Do theo giấy tính toán và chốt nợ, hai bên đã tính toán và chốt nợ đến ngày 30/8/2017 và thoả thuận mức lãi suất 1,5%. Nên cần buộc ông Nguyễn Quang V trả tiền lãi suất cho ông Nguyễn Trọng H tiền lãi suất từ ngày 01/9/2017 đến nay (Ngày 29/6/2022) là 57 tháng, với mức lãi suất 1,5%/tháng của số tiền gốc ông V còn nợ ông H là: 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) là phù

hợp với mức lãi suất được pháp luật cho phép là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Như vậy, số tiền lãi suất cần buộc ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H từ ngày 01/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 29/6/2022) với tổng số tiền là: 15.903.000 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm linh ba nghìn đồng). Tuy nhiên, ngày 28/12/2021, ông Nguyễn Quang V đã trả cho ông Nguyễn Trọng H số tiền lãi suất là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Nên số tiền lãi suất còn lại ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H là: 12.903.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm linh ba nghìn đồng).

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H là: 31.503.000 đồng (Ba mươi một triệu, năm trăm linh ba nghìn đồng).

[2.3] Về tạm ứng án phí và án phí: Ông Nguyễn Trọng H là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Quang V phải nộp 1.575.000 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quang V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng H tổng số tiền nợ là: 31.503.000 đồng (Ba mươi một triệu, năm trăm linh ba nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là: 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng); Tiền lãi suất là: 12.903.000 đồng (Mười hai triệu, chín trăm linh ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Quang V phải nộp 1.575.000 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện A
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện A
- Lưu HSVA+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- VKSND huyện A
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện A
- Lưu HSVA+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- VKSND huyện A
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện A
- Lưu HSVA+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

